

Số: 143 /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 13 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**VỀ Chương trình hoạt động nhiệm kỳ 2016 – 2021
của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XV**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XV và Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng khóa XV, nhiệm kỳ 2015-2020;

Xét Tờ trình số 20/TTr-HĐND ngày 28/11/2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về Chương trình hoạt động nhiệm kỳ 2016-2021 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XV và các ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chương trình hoạt động nhiệm kỳ 2016-2021 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XV (có Chương trình kèm theo).

Điều 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Nghị quyết; đồng thời ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố giữa hai kỳ họp quyết định các quy hoạch, kế hoạch, chủ trương đầu tư, các chế độ định mức chi, phí, lệ phí; điều chỉnh dự toán ngân sách, kế hoạch đầu tư công hàng năm thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Khóa XV, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08/12/2016./.

Nơi nhận:

- UBND TP;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- TTTU;
- Đoàn ĐBQHHP;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVNTP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XV;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Báo HP, ĐPT và THHP, Công báo HP;
- Các Huyện ủy, Quận ủy;
- HĐND, UBND các quận, huyện;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND TP,
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp, LA.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Thành

CHƯƠNG TRÌNH
Hoạt động nhiệm kỳ 2016-2021
của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XV

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 443/NQ-HĐND ngày 12/12/2016
của Hội đồng nhân dân thành phố)*

Chương trình hoạt động nhiệm kỳ 2016-2021 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XV gồm những nội dung chính như sau:

**I. XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH TẠI CÁC KỲ HỌP CÁC VẤN ĐỀ CHỦ YẾU VỀ
KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2016- 2021**

NĂM 2016
(Tổ chức 3 kỳ họp)

Kỳ họp thứ Nhất

1. Bầu cử và xác nhận kết quả tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.
2. Bầu cử các chức danh Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố.
3. Bầu cử lãnh đạo và Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố.
4. Bầu cử Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân thành phố.

Kỳ họp thứ 2 thường lệ giữa năm

1. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thành phố 6 tháng cuối năm 2016
2. Phê chuẩn quyết toán ngân sách thành phố năm 2015.
3. Điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.
4. Chương trình giám sát 6 tháng cuối năm 2016 và năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XV.
5. Ban hành Nội quy kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố khóa XV, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Kỳ họp thứ 3 thường lệ cuối năm

1. Nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thành phố năm 2017;

2. Thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, thể thao và du lịch thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
3. Về Kế hoạch tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ thành phố Hải Phòng giai đoạn 2017 - 2020;
4. Thông qua Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020;
5. Thông qua Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng giai đoạn 2017 - 2020;
6. Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2017;
7. Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017;
8. Dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2017;
9. Về Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2017;
10. Thông qua danh mục các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án, công trình phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2017;
11. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng;
12. Tổng biên chế công chức hành chính, tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp nhà nước thành phố Hải Phòng năm 2017;
13. Quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
14. Về việc cho ý kiến giải quyết các vấn đề tồn tại của Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống trình diễn nhạc nước kết hợp âm thanh, ánh sáng, kỹ xảo nghệ thuật tại khu vực lòng hồ Tam Bạc, thành phố Hải Phòng, giai đoạn I.
15. Chương trình hoạt động nhiệm kỳ 2016 - 2021 của HĐND thành phố khóa XV;
16. Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2017 của HĐND thành phố khóa XV.

NĂM 2017

(Tổ chức 2 kỳ họp)

Kỳ họp thứ 4 thường lệ giữa năm

1. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thành

phố 6 tháng cuối năm 2017.

2. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

3. Phê chuẩn quyết toán ngân sách thành phố năm 2016.

4. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2018 lần 1.

5. Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) thành phố Hải Phòng.

6. Quyết định Quy hoạch phát triển giáo dục đào tạo thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

7. Quyết định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, thủy sản, kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập nông dân thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.

8. Về việc phân cấp điều chuyển, thanh lý, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn tài sản hạ tầng đường bộ thuộc thành phố quản lý.

9. Nhiệm vụ, giải pháp xây dựng thành phố Hải Phòng là thành phố thông minh giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025.

10. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp và thương mại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030.

11. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển du lịch Hải Phòng giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025.

12. Chương trình phát triển đô thị thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

13. Nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2017 - 2021.

14. Cơ chế, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác tại huyện Bạch Long Vỹ.

15. Đề án trùng tu, tôn tạo di tích cơ sở văn hóa xếp hạng cấp thành phố.

16. Chương trình giám sát năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Kỳ họp thứ 5 thường lệ cuối năm

1. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thành phố năm 2018.

2. Kế hoạch đầu tư công thành phố Hải Phòng năm 2018.

3. Dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2018.

4. Thông qua danh mục các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được sử dụng quỹ đất để tạo vốn và diện tích các khu đất được sử dụng để tạo vốn thực hiện các dự án năm 2018; danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất, mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên

địa bàn thành phố năm 2018.

5. Nghị quyết về tổng biên chế công chức hành chính, tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp nhà nước thành phố năm 2018.

6. Cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030.

7. Cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, nông thôn bảo đảm tính kết nối, hiện đại, đồng bộ và vượt trội giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030.

8. Nhiệm vụ, giải pháp và cơ chế khuyến khích, hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn Hải Phòng giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030.

9. Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

10. Nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030.

11. Về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

12. Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố.

NĂM 2018

(Tổ chức 2 kỳ họp)

Kỳ họp thứ 6 thường lệ giữa năm

1. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thành phố 6 tháng cuối năm 2018.

2. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2019 lần 1.

3. Phê chuẩn quyết toán ngân sách thành phố năm 2017.

4. Nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế huy động vốn vay và các nguồn tài chính phục vụ đầu tư phát triển đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

5. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện phát triển kinh tế thủy sản thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030.

7. Rà soát phân loại đô thị theo Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

8. Phê duyệt Đề án nâng loại đô thị thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên trong giai đoạn 2017-2018.

9. Phê duyệt Đề án nâng loại đô thị thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng trong giai đoạn 2017-2018.

10. Nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, xử lý nước thải sinh

hoạt ở nông thôn giai đoạn 2017-2020.

11. Nghị quyết về Chiến lược phát triển công tác đối ngoại thành phố đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

12. Chương trình việc làm thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018-2020.

13. Chương trình giám sát năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Kỳ họp thứ 7 thường lệ cuối năm

1. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thành phố năm 2019.

2. Kế hoạch đầu tư công thành phố Hải Phòng năm 2019.

3. Dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2019.

4. Thông qua danh mục các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được sử dụng quỹ đất để tạo vốn và diện tích các khu đất được sử dụng để tạo vốn thực hiện các dự án năm 2019; danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2019.

5. Nghị quyết về tổng biên chế công chức hành chính, tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp nhà nước thuộc thành phố năm 2019.

6. Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố.

NĂM 2019

(Tổ chức 2 kỳ họp)

Kỳ họp thứ 8 thường lệ giữa năm

1. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thành phố 6 tháng cuối năm 2019.

2. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công thành phố Hải Phòng năm 2020 lần 1.

3. Phê chuẩn quyết toán ngân sách thành phố năm 2018.

4. Nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, phục vụ hoạt động của các cảng biển Hải Phòng giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

5. Chương trình giám sát năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Kỳ họp thứ 9 thường lệ cuối năm

1. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thành phố năm 2020.

2. Dự toán và phân bổ ngân sách thành phố Hải Phòng năm 2020.

3. Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2020.

4. Thông qua dự kiến lần 1 Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố Hải Phòng 5 năm 2021 – 2025.

5. Thông qua danh mục các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được sử dụng quỹ đất để tạo vốn và diện tích các khu đất được sử dụng để tạo vốn thực hiện các dự án năm 2020; danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2020.

6. Nghị quyết về tổng biên chế hành chính, tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố năm 2020.

7. Kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố.

NĂM 2020

(Tổ chức 2 kỳ họp)

Kỳ họp thứ 10 thường lệ giữa năm

1. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thành phố 6 tháng cuối năm 2020.

2. Phê chuẩn quyết toán ngân sách thành phố năm 2019.

3. Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công thành phố Hải Phòng năm 2021 lần 1.

4. Thông qua dự kiến lần 2 Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố Hải Phòng 5 năm 2021 – 2025.

5. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp thông minh, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

6. Chương trình giám sát năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Kỳ họp thứ 11 thường lệ cuối năm

1. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thành phố năm 2021.

2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thành phố 5 năm 2021 – 2025.

3. Dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2021.

4. Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố Hải Phòng 5 năm 2021 – 2025.

5. Kế hoạch đầu tư công thành phố Hải Phòng năm 2021.

6. Thông qua danh mục các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được sử dụng quỹ đất để tạo vốn và diện tích các khu đất được sử dụng để tạo vốn thực hiện các dự án năm 2021; danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất trồng lúa, đất

rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; danh mục các dự án đầu tư phải thu hồi đất; mức vốn ngân sách nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố năm 2021.

7. Cho ý kiến về bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng 5 năm năm 2021 – 2025.

8. Thông qua Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2021-2025) thành phố Hải Phòng.

9. Thông qua đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025.

10. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa các cấp ngân sách chính quyền địa phương giai đoạn 2021-2025;

11. Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025.

12. Nghị quyết về tổng biên chế công chức hành chính, tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp nhà nước thành phố năm 2021.

13. Kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố.

NĂM 2021

Kỳ họp thứ 12 (dự kiến tháng 3/2021)

1. Tổng kết hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố nhiệm kỳ 2016 – 2021.

II. HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Giám sát tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố

- Xem xét các báo cáo hoạt động 6 tháng, hàng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự thành phố;

- Xem xét các báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố trình về: nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước; thực hiện chủ đề năm; công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri; báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; báo cáo giải trình của Ủy ban nhân dân thành phố về các vấn đề được đông đảo cử tri quan tâm và các báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

- Giám sát thông qua việc xem xét báo cáo kết quả thực hiện của Ủy ban nhân dân thành phố đối với một số Nghị quyết chuyên đề của Hội đồng nhân dân thành phố khóa XIV và khóa XV.

- Xem xét việc trả lời chất vấn và giải trình.

- Xem xét các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

- Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân thành phố bầu (tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2018).

2. Hoạt động giám sát giữa hai kỳ họp

2.1. Giám sát chuyên đề (Nội dung giám sát chuyên đề sẽ được quyết định tại Chương trình giám sát hàng năm của Hội đồng nhân dân thành phố)

2.2. Hoạt động giám sát thường xuyên tập trung vào các vấn đề lớn, trọng tâm:

- Kết quả thực hiện chủ đề từng năm.

- Tình hình thực hiện các dự án, công trình trọng điểm của thành phố và của quốc gia trên địa bàn thành phố.

- Tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới, dạy nghề cho lao động nông thôn, bảo vệ môi trường, giáo dục và đào tạo...).

- Giải quyết kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu, thực hiện kết luận giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

- Thực hiện các nghị quyết chuyên đề của Hội đồng nhân dân thành phố.

a) Về lĩnh vực pháp chế:

- Giám sát các báo cáo, đề án; chất vấn và trả lời chất vấn, giải trình tại các kỳ họp thuộc lĩnh vực pháp chế.

- Công tác cải cách hành chính, trách nhiệm người đứng đầu; việc thực hiện Quy chế làm việc của UBND các cấp

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

- Công tác quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp, tinh giản biên chế, đề án vị trí việc làm, thi tuyển công chức.

- Việc thi hành pháp luật trong lĩnh vực thuế, hải quan, đất đai.

- Công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Công tác đảm bảo an ninh chính trị, an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội; công tác quốc phòng, quân sự địa phương; phòng cháy, chữa cháy.

- Hoạt động của các cơ quan tư pháp.

- Thực hiện các nghị quyết chuyên đề của Hội đồng nhân dân thành phố về lĩnh vực pháp chế.

b) Về lĩnh vực văn hóa - xã hội:

- Việc đổi mới toàn diện, căn bản giáo dục đào tạo, chất lượng giáo dục ở các cấp học.

- Triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ xây dựng trường mầm non, nhóm trẻ tư thục tại các khu công nghiệp; chất lượng công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các đơn vị giáo dục mầm non tư thục.

- Thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non; thực hiện các cơ chế chính sách ưu đãi đối với các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện xã hội hóa giáo dục.

- Công tác tuyển sinh ở các khối đầu cấp; việc quản lý các nguồn thu, chi tài chính, xã hội hóa giáo dục đầu năm học.

- Công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch y tế trên địa bàn thành phố.

- Công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở y tế ngoài công lập, quản lý các dịch vụ xã hội hóa trong các cơ sở y tế công lập.

- Triển khai Kế hoạch phát triển y học cổ truyền của Chính phủ đến năm 2020.

- Công tác quản lý hoạt động báo chí xuất bản, quảng cáo, các dịch vụ văn hóa giải trí (vũ trường, karaoke, games...) tại một số khu vực trung tâm, quận, huyện trên địa bàn thành phố

- Việc thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 12/12/1997 của Ban Thường vụ Thành ủy khóa XI về thực hiện nếp sống văn hóa, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang, lễ hội và bài trừ mê tín dị đoan.

- Thực hiện các chính sách ưu đãi đối với người có công, người nhiễm chất độc da cam dioxin và các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Triển khai thực hiện các tiêu chí về văn hóa - xã hội trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020

- Việc chấp hành các quy định của Bộ Luật lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố (tập trung vào những doanh nghiệp nợ đọng BHXH, BHYT và BHTN).

- Công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020;

- Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2016-2020.

- Giám sát các báo cáo, đề án; chất vấn và trả lời chất vấn, giải trình tại các kỳ họp thuộc lĩnh vực văn hóa – xã hội.

- Giám sát việc thực hiện một số nghị quyết chuyên đề của Hội đồng nhân dân thành phố lĩnh vực văn hóa xã hội.

c) Về lĩnh vực kinh tế- ngân sách:

- Giám sát các báo cáo, đề án; chất vấn và trả lời chất vấn, giải trình tại các kỳ họp thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách.

- Thực hiện thu, chi ngân sách; quản lý tài sản công.

- Quản lý, sử dụng tài nguyên khoáng sản, đất đai, nguồn nước; việc sử dụng đất bãi bồi ven sông, biển, việc thuê mặt đất, mặt nước vào mục đích kinh doanh,

sản xuất.

- Quản lý quy hoạch (bao gồm cả quy hoạch chung và quy hoạch các ngành, lĩnh vực, điều chỉnh quy hoạch).

- Việc thực hiện Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, tài chính đối với đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám, chữa bệnh của cơ sở khám, chữa bệnh công lập.

- Tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp; sản xuất lương thực, thực phẩm bảo đảm chất lượng, an toàn.

- Tình hình triển khai các dự án sử dụng đất được nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư.

- Việc chi đạo, xây dựng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ khu vực kinh tế tập thể thành phố.

- Việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại các địa phương; đầu tư xây dựng các công trình, chất lượng của các công trình.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững.

- Thực hiện các nghị quyết chuyên đề của Hội đồng nhân dân thành phố về lĩnh vực kinh tế - ngân sách.

d) Về lĩnh vực đô thị:

- Giám sát các báo cáo, đề án; chất vấn và trả lời chất vấn, giải trình tại các kỳ họp thuộc lĩnh vực đô thị.

- Giám sát công tác quản lý nhà nước về đô thị; việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp, khu, cụm công nghiệp, làng nghề, khu du lịch và khu vui chơi giải trí; cung cấp nước sạch; thu gom và xử lý chất thải rắn nông thôn.

- Giám sát việc giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri và thực hiện các cam kết của các ngành với Hội đồng nhân dân thành phố và cử tri.

- Xây dựng, phát triển và tăng cường quản lý đô thị theo hướng đô thị xanh, văn minh, hiện đại.

- Việc cải tạo, sửa chữa, xây mới chung cư cũ thuộc sở hữu nhà nước, các khu nhà tập thể, biệt thự thời Pháp đã cũ, xuống cấp nghiêm trọng để đảm bảo an toàn cho nhân dân sinh sống trong khu vực.

- Công tác giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án trên địa bàn thành phố.

- Chương trình phát triển nhà ở xã hội thành phố.

- Tình hình thực hiện cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước tại các khu dân cư; việc thanh lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định 34/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ.

- Công tác thực hiện di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong đô thị ra các khu, cụm công nghiệp tập trung, dành quỹ đất để phát triển đô thị, các công trình công cộng và hệ thống giao thông tỉnh.

- Công tác quy hoạch đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp (đặc biệt là khu công nghiệp Đình Vũ - Cát Hải) và việc quản lý cửa xả thoát nước ra nguồn tiếp nhận trên địa bàn thành phố, các khu công nghiệp.

- Việc thực hiện các nghị quyết chuyên đề của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc lĩnh vực đô thị.

III. HOẠT ĐỘNG KHÁC

- Xem xét quyết định các quy hoạch, kế hoạch, chủ trương đầu tư; điều chỉnh dự toán và kế hoạch đầu tư công hàng năm.

- Xem xét quyết định các loại phí, lệ phí theo thẩm quyền.

- Xem xét quyết định các chế độ, định mức chi ngân sách địa phương.

- Xem xét, quyết định phân cấp quản lý tài sản nhà nước.

- Điều chỉnh địa giới hành chính, thành lập mới đơn vị hành chính huyện, quận, xã, phường, thị trấn... (nếu có).

- Phối hợp giám sát với các Ủy ban của Quốc hội và Đoàn Đại biểu Quốc hội Hải Phòng.

- Tham gia các dự án xây dựng pháp luật của Quốc hội.

- Tham dự hoạt động và tổ chức Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố khu vực Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Bắc bộ (nhiệm kỳ 2016-2021).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố trên cơ sở Chương trình này xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động cụ thể của từng năm và triển khai thực hiện có hiệu quả, báo cáo kết quả tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố.

- Ngoài các hoạt động giám sát chuyên đề tập trung vào các vấn đề lớn, trọng tâm, trọng điểm, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố sẽ chỉ đạo xây dựng chương trình hoạt động giám sát thường xuyên của từng năm báo cáo tại các kỳ họp thường lệ giữa năm để Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, cho ý kiến.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, có vấn đề mới phát sinh hoặc có nội dung chưa phù hợp, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố sẽ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố để sửa đổi, bổ sung./.


CHỦ TỊCH
Lê Văn Thành

**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC NGHỊ QUYẾT VỀ QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH CỦA HĐND THÀNH PHỐ KHÓA XV,
NHIỆM KỲ 2016-2021**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ~~17.3~~/NQ-HĐND ngày 15/12/2016
của Hội đồng nhân dân thành phố)*

TT	Căn cứ pháp luật	Nội dung Nghị quyết	Thời gian ban hành	Ghi chú
I	NĂM 2017			
1	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn	Đề án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025	Năm 2017	
2	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Quyết định số 1554/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch thủy lợi vùng đồng bằng Sông Hồng giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng	Đề án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể hệ thống thủy lợi thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Năm 2017	
3	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Khoản 3 Điều 16 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 03/12/2014; Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng	Điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng đến năm 2020	Năm 2017	
4	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Khoản 3 Điều 16 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 03/12/2014; Nghị	Thông qua Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng năm 2018	Năm 2017	

TT	Căn cứ pháp luật	Nội dung Nghị quyết	Thời gian ban hành	Ghi chú
	định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng			
5	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Thông tư 05/2013/TT-BKHĐT hướng dẫn tổ chức, lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu	Quy hoạch mạng lưới các điểm đỗ xe, bãi đỗ xe trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Năm 2017	
6	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Thông tư 05/2013/TT-BKHĐT hướng dẫn tổ chức, lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu	Quy hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Năm 2017	

TT	Căn cứ pháp luật	Nội dung Nghị quyết	Thời gian ban hành	Ghi chú
7	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Thông tư 05/2013/TT-BKHĐT hướng dẫn tổ chức, lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu	Quy hoạch phát triển hệ thống dịch vụ logistics thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025	Năm 2017	
8	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Chương trình hành động số 34-TTr-TU ngày 04/02/2015	Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Năm 2017	
9	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Quyết định số 372/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2008 – 2010 và định hướng đến năm 2020	Đề án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc gia cầm tập trung trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Năm 2017	
10	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 07/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quản lý hệ thống rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển, khu bảo tồn vùng nước nội địa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Quy hoạch chi tiết khu bảo tồn biển Cát Bà nằm trong Vườn Quốc gia Cát Bà	Năm 2017	

TT	Căn cứ pháp luật	Nội dung Nghị quyết	Thời gian ban hành	Ghi chú
11	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Thông tư 05/2013/TT-BKHĐT hướng dẫn tổ chức, lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu	Thông qua Quy hoạch cảng, bến thủy nội địa thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.	Năm 2017	
II	NĂM 2018			
1	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Đề điều	Quy hoạch hệ thống đê điều thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Năm 2018	
2	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Đề án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển các vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Năm 2018	
3	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Đề án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chế biến nông, lâm sản và thủy sản thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Năm 2018	

TT	Căn cứ pháp luật	Nội dung Nghị quyết	Thời gian ban hành	Ghi chú
4	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Khoản 3 Điều 16 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 03/12/2014; Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng	Thông qua Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng năm 2019	Năm 2018	
5	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Giáo dục nghề nghiệp; Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật GDNN	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Năm 2018	
III NĂM 2019				
1	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Quyết định số 2914/QQĐ-UBND ngày 24/12/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch đất trồng lúa thành phố Hải Phòng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Đề án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch sử dụng đất trồng lúa thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Năm 2019	
2	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Khoản 3 Điều 16 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 03/12/2014; Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng	Thông qua Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng năm 2020	Năm 2019	
IV NĂM 2020				

TT	Cơ sở pháp luật	Nội dung Nghị quyết	Thời gian ban hành	Ghi chú
1	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; QĐ số 2587/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND TP về việc ban hành kế hoạch thực hiện Đề án nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Đề án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Năm 2020	
2	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; NQ số 25/2015/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 của HĐND TP	Đề án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển thủy sản thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035	Năm 2020	
3	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; QĐ 1600/QĐ-UBND ngày 21/8/2016 của UBND TP phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng đến năm 2020	Đề án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển lâm nghiệp thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035	Năm 2020	
4	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; NQ số 21/2015/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 của HĐND TP	Đề án Rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch chi tiết phòng chống lũ các tuyến sông có đê trên địa bàn thành phố	Năm 2020	
5	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 10 Luật Khoáng sản	Điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Năm 2020	
6	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Quyết định số 1554/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thủy lợi vùng đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2012-2020, định hướng đến năm, 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Năm 2020	

TT	Căn cứ pháp luật	Nội dung Nghị quyết	Thời gian ban hành	Ghi chú
7	Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Khoản 3 Điều 16 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 03/12/2014; Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng	Thông qua Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng năm 2021	Năm 2020	